

Số: 945 /NĐND-KHĐTVT

Lạng Sơn, ngày 18 tháng 8 năm 2026

V/v Mời báo giá lập DT và KHLNCC
Đơn hàng: Cung cấp hoá chất phân tích và dụng cụ
phân tích phục vụ SCTX năm 2027

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Trước tiên, Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác tới Quý đơn vị trong thời gian vừa qua.

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV kính mời Quý đơn vị tham gia báo giá lập dự toán mua sắm vật tư, hàng hoá với các yêu cầu như sau:

I. Yêu cầu đối với vật tư, hàng hoá:

1. Danh mục; đặc tính, thông số kỹ thuật; số lượng vật tư, hàng hoá:
chi tiết theo Danh mục vật tư, hàng hoá đề nghị báo giá đính kèm.

2. Yêu cầu về tính hợp lệ; đặc tính, thông số kỹ thuật của vật tư, hàng hoá:

- Vật tư, hàng hoá báo giá phải có đầy đủ thông tin của vật tư, hàng hoá, bao gồm: tên vật tư, hàng hoá; ký mã hiệu; quy cách, đặc tính, thông số kỹ thuật; đơn vị tính; số lượng; nhà sản xuất và xuất xứ của vật tư, hàng hoá; thời gian bảo hành; địa điểm và tiến độ giao hàng;

- Nhà cung cấp có thể báo giá một phần hoặc toàn bộ khối lượng theo yêu cầu của văn bản mời báo giá;

II. Yêu cầu đối với báo giá:

1. Yêu cầu về tính hợp lệ của báo giá:

Báo giá của Quý đơn vị được đánh giá là hợp lệ khi có đủ các thông tin, tài liệu và đáp ứng các yêu cầu sau:

- Bản chào giá do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp (kèm theo giấy uỷ quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương khác).

- Cung cấp kèm theo báo giá 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép kinh doanh đối với các vật tư kinh doanh có điều kiện (nếu có);

- Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 60 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá theo quy định của văn bản mời báo giá.

2. Yêu cầu về các điều khoản thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước (thể hiện rõ thuế suất thuế GTGT cho vật tư, hàng hoá báo giá);

- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV tại Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn;

III. Thời gian và địa chỉ nhận báo giá:

- Thời gian nhận báo giá: trước 10 giờ 30 phút ngày 28 tháng 8 năm 2026.

- Địa chỉ nhận báo giá: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn; Điện thoại: 02053.844.263; Fax: 02053.844.132; E-mail: naduong@vinacominpower.vn và E-mail: naduongtpc@gmail.com).

(Đối với các hồ sơ báo giá được gửi thông qua fax và e-mail thì đề nghị Quý đơn vị cung cấp bản gốc hồ sơ báo giá cho chúng tôi qua dịch vụ chuyển phát hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên).

* Trường hợp trong báo giá của các nhà cung cấp thiếu các thông tin (hoặc thông tin cung cấp không rõ ràng) theo yêu cầu tại mục I và mục II của văn bản này, để có cơ sở xem xét báo giá của các nhà cung cấp, Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV có thể yêu cầu các nhà cung cấp làm rõ, bổ sung các thông tin cần thiết.

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV rất mong nhận được sự hợp tác và hỗ trợ từ Quý đơn vị.

Trân trọng. 

Nơi nhận: 

- Website TKV: vinacomin.vn (để đăng tải);
- Website ĐLTKV: dienluctkv.vn (để đăng tải);
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Các PGĐ, KTT (e-copy, để ph/h);
- Tổ tư vấn (e-copy, để t/h);
- Lưu: TCHC, KHĐTVT, NQ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Việt Anh

DANH MỤC VẬT TƯ, HÀNG HOÁ ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ
(Kèm theo Văn bản số **945** /NĐND-KHĐTVT ngày **18** tháng **8** năm 2026)

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
1	Axit Oxalic	Công thức hóa học: H ₂ C ₂ O ₄ .2H ₂ O Mã: O/0600/53 Nhà sản xuất: Fisher - Mỹ	Kg	15		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
2	Amôn Môlipđap	Công thức hóa học : (NH ₄) ₆ Mo ₇ O ₂₄ .4H ₂ O Mã A/5720/50 Nhà sản xuất: Fisher - Mỹ	Kg	15		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
3	Natri sunfit	Na ₂ SO ₃ Hãng: Xilong	Kg	1		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
4	Acid clohydric	Công thức hóa học : HCL 37% Mã 100317 1000 Quy cách: 1 lít/chai Nhà sản xuất: Merck - Đức	Lít	20		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
5	Dung dịch Amoni tiêu chuẩn	NH ₃ 1000 mg/l Mã sản phẩm: HI4001-03 Hãng: Hanna	Lít	1		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
6	Dung dịch Silica tiêu	SiO ₂ 1000 mg/l	Lít	1		Hạn sử dụng ≥					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
	chuẩn	Hãng: Hatch				12 tháng					
7	Dung dịch Phốt phát tiêu chuẩn	PO4 1000 mg/l Mã sản phẩm: HI93717-11 Hãng: Hanna	Lít	1		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
8	Dung dịch Hydrazine tiêu chuẩn	N2H4 1000 mg/l Mã sản phẩm: Mã hàng: H056.W.L1 Hãng: CPAchem, Bungari	Lít	1		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
9	Dung dịch pH10	Mã: QCI-112-10, Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Lít	10		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
10	Dung dịch pH7	Mã: QCI-112-7, Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Lít	10		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
11	Netsle-Nessler's Regant for Ammonium Salts	Công thức hóa học : K2HgI4 Mã 1090280500	Lít	10		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
12	Axit Sunfuric đặc	Công thức hóa học : H2SO4 98% Mã 10073 11000 Quy cách: 1 lít/chai Nhà sản xuất: Merck - Đức	Lít	12		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
13	Paradimetylamin	Công thức hóa học C9H11NO	Kg	1		Hạn sử					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
	benzandehyt	Mã 1030581000 Quy cách: 1kg/chai Nhà sản xuất: Merck - Đức				dùng ≥ 12 tháng					
14	Natrihydro Sunfit	Công thức hóa học NaHSO ₃ 39% Mã 80635 61000 Quy cách: 1 lít/chai Nhà sản xuất: Merck - Đức	lít	20		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
15	Natri hydro photphas	Công thức hóa học (Na ₂ HPO ₄ . 12H ₂ O) Mã: 10039-32-4; Quy cách: 500g/lọ Nhãn hiệu: Xilong	Kg	60		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
16	Kali clo rửa tinh thể	KCl tinh thể ; mã 1049361000 Nhà sản xuất: Merck - Đức	kg	1		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
17	Chất chuẩn độ dẫn	Mã HI7031L1413 Nhà sản xuất: Hanna - Ý	lít	5		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
18	Dung dịch làm đầy điện cực Clo	Mã Rosemount Amperometric Sensor Fill Solution #4, PN 9210356 Dung tích: 125ml/Chai Nhà sản xuất: Rosemount/ EU	lít	2		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
19	Dung dịch làm đầy điện cực pH	Mã Rosemount 3200HP Electrolyte Refill PN 9210391 Dung tích: 500ml/Chai Nhà sản xuất: Rosemount/ EU	lit	2		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
20	Dung dịch Axit Xitric - chất 5500sc, Silica	Mã 6774902 Dung tích: 2 lít/chai Nhà sản xuất: Hach - Mỹ	Chai	15		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
21	5500sc Thuốc thử 1 Silica	Mã : 6774802 Dung tích: 2 lít/chai Nhà sản xuất: Hach - Mỹ	Chai	15		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
22	Dung dịch tiêu chuẩn 5500sc Silica 0.5mg/l	Mã : 6775002 Dung tích: 2 lít/chai Nhà sản xuất: Hach - Mỹ	Chai	7		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
23	Thuốc thử 5500sc 3 silica	Mã : 6775102, Dung tích: 2 lít/chai Nhà sản xuất: Hach - Mỹ	Chai	15		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
24	Thuốc thử Iodide đóng gói 3 chai+ 3 ống Diffusionv Tubing asemble	Thuốc thử Iodide đóng gói 3 chai+ 3 ống Diffusionv Tubing asemble	Bộ	3		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
25	Thuốc thử clo HI 93701	mã HI 93701	Hộp	5		Hạn sử					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
	(100 gói/hộp)	Nhà sản xuất: Hanna - Ý				dùng ≥ 12 tháng					
26	Dung dịch chuẩn COD	Nồng độ 50mg/l Mã: Q-11357-I-50 Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	6		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
27	Dung dịch chuẩn COD	Nồng độ 100mg/l Mã : Q-11357-I-100 Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	6		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
28	Dung dịch chuẩn COD	Nồng độ 150mg/l Mã: Q-11357-I-150 Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	6		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
29	Dung dịch chuẩn TSS	Nồng độ 50mg/l Mã: Q-11356-I-50 Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	6		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
30	Dung dịch chuẩn TSS	Nồng độ 100mg/l Mã: Q-11356-I-100 Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	6		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
31	Dung dịch chuẩn TSS	Nồng độ 150mg/l Mã: Q-11356-I-150 Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	6		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
32	Dung dịch chuẩn pH 4	Mã: QCI-112-4, Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	6		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
33	Dung dịch chuẩn NH4	Mã: Q-11359-I-2.5, Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	6		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
34	Dung dịch chuẩn NH4	Mã: Q-11359-I-5, Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	6		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
35	Dung dịch chuẩn NH4	Mã: Q-11359-I-15, Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	6		Hạn sử dụng ≥ 12 tháng					
36	Hạt nhựa trao đổi	Resin Cation 225H	lít	75		Không yêu cầu					
37	Hạt nhựa trao đổi	Resin Anion FFIP	lít	75		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
38	Than hoạt tính	Norit PK 1-3mm	lít	50		Không yêu cầu					
39	Đèn D2	Mã hiệu: D2 dùng cho máy quang phổ UVVIS T80 Nhà sản xuất: Hama matsu	Cái	2		Không yêu cầu					
40	Đèn W- Lamp	Mã hiệu: W- Lamp 12V-35W dùng cho máy quang phổ UVVIS T80 Nhà sản xuất: Osram	Cái	10		Không yêu cầu					
41	Điện cực Amoni trạm quan trắc nước thải	Amolyt® plus 700IQSN Nhà sản xuất: WTW- Đức	Cái	1		≥ 12 tháng					
42	Điện cực COD trạm quan trắc nước thải	UV -705 IQ SAC Nhà sản xuất: WTW- Đức	Cái	1		≥ 12 tháng					
43	Điện cực đo độ dẫn	Mã hiệu: HI 76302 Nhà sản xuất: Hanna	Cái	1		≥ 12 tháng					
44	Điện cực đo pH	Mã hiệu: HI 1217D Nhà sản xuất: Hanna	Cái	2		≥ 12 tháng					
45	Điện cực pH trạm quan trắc nước thải	SensoLyt® 700 IQ/SET Nhà sản xuất: WTW- Đức	Cái	1		≥ 12 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
46	Điện cực TSS trạm quan trắc nước thải	VisoLid 700IQ Nhà sản xuất: WTW- Đức	Cái	1		≥ 12 tháng					
47	Giá kẹp buret 2 bên (bộ gồm cả chân đế kẹp)	Nhà sản xuất: Bomex/ TQ	Cái	4		Không yêu cầu					
48	Cuvet thạch anh	Kích thước:10x10x50mm dùng cho máy quang phổ UVVIS T80 Nhà sản xuất: Bomex/ TQ	Đôi	2		Không yêu cầu					
49	Dây đánh lửa Ni-Cr cho bom nhiệt lượng	Mã hiệu: 840 DD2 loại HEAT WIRE 60''L (2.0'' PER USE) Quantity 1B PARR USA Product	Túi	12		Không yêu cầu					
50	Dây mai so	cho lò nung SX2-5-12N	Cái	5		Không yêu cầu					
51	Dây môi đốt bom nhiệt lượng	Mã hiệu: 845 DD loại IGNITION THREAD, 4'' 10g/1K PCS PARR USA Product	Túi	12		Không yêu cầu					
52	Giấy pH (50 tệp/ hộp)		Hộp	2		Không yêu cầu					
53	Khay hứng sàng bằng thép không gỉ	đường kính D300mm	Cái	5		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
54	Nắp sàng rây	đường kính 300mm	Cái	1		Không yêu cầu					
55	Túi đựng mẫu than	(Túi Zipper) số 10 (24x34 cm)	kg	80		Không yêu cầu					
56	Tấm lưới aminang thí nghiệm chịu nhiệt	12.5 x 12.5 cm	Cái	5		Không yêu cầu					
57	Tấm lưới aminang thí nghiệm chịu nhiệt	16.0 x 16.0 cm	Cái	10		Không yêu cầu					
58	Tấm lưới aminang thí nghiệm chịu nhiệt	20.0 x 20.0 cm	Cái	10		Không yêu cầu					
59	Bơm hút hóa chất	FTI FINISH THOMPSON INC 9m3/giờ; 0.37kW- 220V- 50Hz	Cái	1		Không yêu cầu					
60	Bơm hoá chất	Hansung model DP-25	Cái	2		Không yêu cầu					
61	Công tơ hút	1ml	Cái	50		Không yêu cầu					
62	Công tơ hút	3ml	Cái	50		Không yêu cầu					
63	Buret thủy tinh	25ml	Cái	2		Không					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
						yêu cầu					
64	Ca nhựa chia vạch	2000ml	Cái	1		Không yêu cầu					
65	Ca nhựa chia vạch	3000ml	Cái	1		Không yêu cầu					
66	Ca nhựa chia vạch	1000ml	Cái	2		Không yêu cầu					
67	Ca nhựa chia vạch	500ml	Cái	3		Không yêu cầu					
68	Cảm biến nhiệt	SX2-5-12N 220V	Cái	2		Không yêu cầu					
69	Cảm biến nhiệt	SX2-5-12N 380V	Cái	1		Không yêu cầu					
70	Chai nhựa có nắp	500ml	Cái	10		Không yêu cầu					
71	Chai thủy tinh có nắp	500ml	Cái	10		Không yêu cầu					
72	Chổi cọ dụng cụ phân tích	Ø5	Cái	10		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
73	LÒ NUNG CHÂN KHÔNG	SA 2-6-12TP DUNG TÍCH 12 LÍT Kích thước buồng (DxWxH): 300 x 200 x 200 mm Nhiệt độ tối đa: 1200°C (nhiệt độ làm việc liên tục ≤1100°C) Độ chân không tối đa: -0,1 Mpa Công suất / Điện áp: 6KW / 220V 50Hz Tốc độ gia nhiệt: ≤ 30°C/phút Sai số nhiệt độ: ±1°C hãng sản xuất: Nanyang Xinyu Furnaces (XINKYO)	Cái	1		≥ 12 tháng					
74	Tủ sấy model UN55 (đổi lưu tự nhiên)	Dung tích: 53 lít Kích thước trong (Rộng x Cao x Sâu): 400 x 400 x 330 mm; Kích thước ngoài (Rộng x Cao x Sâu): 585 x 784 x 514 mm; Dải nhiệt độ: 20- 300°C; Chất liệu: Thép không gỉ cao cấp, dễ dàng vệ sinh Hãng sản xuất: Memmert (Đức)	Cái	1		≥ 12 tháng					
75	Máy đo độ đục cầm tay	Hach 2100Q Portable Turbidimeter Kit P/N 2100Q is w/ Warranty kèm cuvet	Cái	1		≥ 12 tháng					
76	Sàng rây	dường kính 300mm bằng thép không gỉ cỡ lỗ 1.00mm	Cái	1		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
77	Sàng rây	đường kính 300mm bằng thép không gỉ cỡ lỗ 2.00mm	Cái	1		Không yêu cầu					
78	Sàng rây	đường kính 300mm bằng thép không gỉ cỡ lỗ 3.00mm	Cái	1		Không yêu cầu					
79	Sàng rây	đường kính 300mm bằng thép không gỉ cỡ lỗ 4.00 mm	Cái	1		Không yêu cầu					
80	Sàng rây	đường kính 300mm bằng thép không gỉ cỡ lỗ 5.00 mm	Cái	1		Không yêu cầu					
81	Sàng rây	đường kính 300mm bằng thép không gỉ cỡ lỗ 6.00mm	Cái	1		Không yêu cầu					
82	Sàng rây	đường kính 300mm bằng thép không gỉ cỡ lỗ 7.00 mm	Cái	1		Không yêu cầu					
83	Sàng rây	đường kính 300mm bằng thép không gỉ cỡ lỗ 8.00 mm	Cái	1		Không yêu cầu					
84	Sàng rây	đường kính 300mm bằng thép không gỉ cỡ lỗ 9.00mm	Cái	1		Không yêu cầu					
85	Sàng rây	đường kính 300mm bằng thép không gỉ cỡ lỗ 10.00mm	Cái	1		Không yêu cầu					
86	Sàng rây	đường kính 300mm bằng thép	Cái	1		Không					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
		không gỉ cỡ lỗ 11.00mm				yêu cầu					
87	Sàng rây	đường kính 300mm bằng thép không gỉ cỡ lỗ 12.00mm	Cái	1		Không yêu cầu					
88	Sàng rây	đường kính 300mm bằng thép không gỉ cỡ lỗ 13.00mm	Cái	1		Không yêu cầu					
89	Sàng rây	đường kính 300mm bằng thép không gỉ cỡ lỗ 14.00mm	Cái	1		Không yêu cầu					
90	Sàng rây	đường kính 300mm bằng thép không gỉ cỡ lỗ 15.00mm	Cái	1		Không yêu cầu					
91	Chén nung bằng sứ	Dung tích: 30ml bao gồm chén và nắp Vật liệu : Sứ dùng cho lò nung chịu nhiệt độ cao Nhà sản xuất: Bomex/ TQ	Cái	200		Không yêu cầu					
93	Hạt silicagen màu vàng	Kích thước: Hình tròn từ 2mm đến 5mm	kg	12		Không yêu cầu					
94	Hóa chất axit tẩy cặn TH-1	Mã hiệu TH-1, độ pH 1,1-1,8 Tỷ trọng 1,1-1,25g/ml, sản xuất tại Việt Nam	kg	200		Không yêu cầu					

*** Lưu ý:**

(1) Thông số kỹ thuật:

- Đối với các vật tư hàng hoá được đánh dấu (*) tại cột (12) trong bảng trên: Đề nghị nhà cung cấp chào đúng chủng loại vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật tại cột (3) trong bảng trên và. Trường hợp vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay thế bằng chủng loại khác (mã hiệu khác) thì nhà cung cấp có thể đề xuất sang vật tư, hàng hoá tương đương khác và phải cung cấp các tài liệu để chứng minh vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay thế bằng chủng loại khác và vật tư, hàng hoá do nhà cung cấp đề xuất là tương đương về **“đặc tính, thông số kỹ thuật; tính năng sử dụng; tiêu chuẩn công nghệ”** với vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên. Nếu nhà cung cấp không cung cấp tài liệu theo yêu cầu nêu trên thì đơn giá do nhà cung cấp chào cho mục vật tư, hàng hoá đó sẽ không được xem xét khi lập dự toán.

- Trường hợp nhà cung cấp phát hiện thông số kỹ thuật được yêu cầu tại cột (3) trong bảng trên không chính xác, đề nghị nhà cung cấp chuẩn xác lại giúp thông số kỹ thuật và cung cấp các tài liệu để chứng minh thông số kỹ thuật do nhà cung cấp điều chỉnh lại là chính xác.

- Đối với hàng hoá có số thứ tự 41 đến số 46, trong bảng trên: Là những hàng hoá thuộc Nhóm bắt buộc phải kiểm định hoặc hiệu chuẩn ban đầu trước khi đưa vào sử dụng được quy định tại Luật Đo lường 2011 & Thông tư 23/2013/TT-BKHCHN, Thông tư 10/2021/TT-BTNMT đề nghị nhà cung cấp chào giá hàng hoá **đã bao gồm đầy đủ tem, Giấy chứng nhận hiệu chuẩn/kiểm định của cơ quan chức năng có thẩm quyền (nhà cung cấp chào rõ các giấy tờ cung cấp kèm theo)**. Nếu nhà cung cấp không chào đúng yêu cầu nêu trên thì đơn giá do nhà cung cấp chào cho hàng hoá đó sẽ không được xem xét khi lập dự toán

(2) Tiến độ giao hàng: Đề nghị nhà cung cấp chào tiến độ giao hàng là số ngày kể từ ngày nhận được thông báo cấp hàng;

(3) Thời gian bảo hành: Thời gian bảo hành tại cột (7) trong bảng trên là thời gian bảo hành được yêu cầu, đề nghị nhà cung cấp chào thời gian bảo hành là số tháng kể từ ngày kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá (*đơn giá của vật tư, hàng hoá do nhà cung cấp chào chỉ được xem xét nếu có thời gian bảo hành đáp ứng yêu cầu tại cột (7) trong bảng trên*).